

Bản án số:132/2021/DS-ST
Ngày: 12/11/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG – TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cẩn Thị Thành và bà Võ Thị Thanh Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trọng Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 189/2021/QĐST-DS ngày 15/10/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn Thuận N, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim L, theo văn bản ủy quyền số công chứng 1562, quyền số 02 TP/CC –SCC/HĐGD ngày 17/3/2021.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị Giang L; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Thuận T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Bà Mai Thị T, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Thuận T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Căn cứ giấy vay tiền ngày 01/7/2019 bà Trần Thị Giang L có vay của bà Nguyễn Thị Y số tiền 201.000.000 đồng, khi vay có viết giấy tờ tay với nhau có chữ ký của bà Trần Thị Giang L, bà L hẹn 10 ngày sau sẽ trả cho bà Y; trong giấy vay không thể hiện lãi suất nhưng theo yêu cầu khởi kiện bà Y yêu cầu trả lãi 1,5%/tháng. Quá trình vay bà L trả cho bà Y 02 lần tiền gốc, chưa trả lãi, cụ thể: Lần thứ nhất trả số tiền 31.000.000 đồng (*Ba mươi một triệu đồng*) vào ngày 14/7/2019 và lần thứ 2 trả số tiền 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu*) vào ngày 26/5/2020, số tiền còn lại bà L hẹn thời gian sau sẽ trả đủ nhưng vẫn không trả cho bà Y. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho mình, bà Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải trả số tiền gốc còn nợ lại là 135.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi lăm triệu đồng*) và tiền lãi theo thỏa thuận là 1,5%/ tháng từ ngày vay cho đến ngày xét xử. Mặc dù, bà Trần Thị Giang L khai là nguồn gốc vay 50.000.000 đồng và lãi cộng vào gốc mới có số tiền như bà L đã xác nhận nợ. Tuy nhiên, quá trình làm việc Tòa án tổng đạt các văn bản đối chất, Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà L không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh cho ý kiến của bà L. Vì vậy, căn cứ chứng cứ bà L ký xác nhận nợ ngày 01/7/2019, bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn đã nộp 01 giấy vay tiền ngày 01/7/2019, bản gốc với số tiền là 201.000.000 đồng, giấy vay do bà L viết và ký xác nhận nợ để có căn cứ giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Trần Thị Giang L trình bày: Lời trình bày về việc vay nợ và trả số tiền như lời trình bày bà Nguyễn Thị Y là đúng, không bổ sung gì. Tuy nhiên, bà Y tính lãi suất cao so với quy định của pháp luật là 3.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày. Số nợ này bà L cho rằng là đi vay cho bà T. Tuy nhiên, không có giấy chuyển nghĩa vụ trả nợ giữa các bên hay giấy tờ gì chứng minh là bà Y đồng ý việc bà L vay cho bà T và bà Y đồng ý để bà T trả khoản nợ này. Trong bản tự khai bà L thể hiện nguồn gốc số nợ là bà L vay 50.000.000 đồng tiền gốc, cộng lãi vào để có tổng số tiền 201.000.000 đồng. Đồng thời, bà L đã trả cả gốc và lãi gần khoảng 300.000.000 đồng nên mong Tòa án xem xét giải quyết.

Mặc dù bà L trình bày như trên nhưng khi Tòa án giao các thủ tục đối chất, Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập bà T để làm rõ thì không có mặt, không cung cấp chứng cứ gì khác để chứng minh cho lời trình bày của mình, từ chối nhận các văn bản tố tụng mà Tòa án giao. Vì vậy, Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hòa giải được vụ án. Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Về tố tụng: Việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tài sản

”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song. Thẩm phán đã xác định đúng về tư cách pháp lý và mối quan hệ của các bên trong quá trình tham gia tố tụng. Đảm bảo việc cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 170, 171, 173, 177 BLTTDS.

Tòa án thu thập chứng cứ theo đúng quy định tại các Điều 96, 97 BLTTDS. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, lập các biên bản công khai chứng cứ, hòa giải không được theo quy định tại các Điều 10, 98, 108, 109, 208 BLTTDS.

Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 147, Điều 170, 171, 173, 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273, điểm a khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 357, 463, 465, 466, 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị, Hội đồng xét xử (HĐXX)

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y.

Buộc bà Trần Thị Giang L phải trả cho bà Nguyễn Thị Y số tiền gốc còn lại là 135.000.000 đồng.

Về lãi suất đề nghị Tòa án tính theo quy định của pháp luật.

Các nội dung khác: HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Y khởi kiện bà Trần Thị Giang L trả nợ theo nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản. Vì vậy, HĐXX nhận thấy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Hiện nay bị đơn đang cư trú tại Thôn Thuận T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Các giấy xác nhận nợ vào ngày 01/7/2019, đến ngày 12/3/2021 bà Nguyễn Thị Y khởi kiện nên vẫn đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo Điều 184 BLTTDS;

[3] Quá trình giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Giang L chỉ viết bản tự khai và cho rằng số nợ đã trả một phần, yêu cầu ra Tòa án làm việc và cung cấp các chứng cứ liên quan để Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bà L không chấp hành, cũng không cung cấp chứng cứ gì khác chứng minh cho lời khai của mình trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ việc tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định tại Điều 173, Điều 175 và Điều 177 ; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[4] Xét về nội dung tranh chấp:

[4.1] Xét nguồn gốc số nợ thì bà Trần Thị Giang L đã tự viết giấy nhận nợ và ký xác nhận đầy đủ tại giấy vay ngày 01/7/2019 với số tiền là 201.000.000 đồng, trong giấy vay không thể hiện lãi suất, hạn trả sau 10 ngày. Quá trình vay bà L trả cho bà Y 02 lần, khi trả không giấy tờ. Tuy nhiên, bà Y và bà L đều thừa nhận trả 02 lần tiền gốc tổng cộng là 66.000.000 đồng. Hiện nay còn nợ tiền gốc là 135.000.000 đồng. Mặc dù, bà L thừa nhận giấy xác nhận nợ và chữ ký trong giấy vay là của bà L. Tại bản tự khai bà L trình bày đã trả cả gốc và lãi là khoảng 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) nhưng không cung cấp chứng cứ, không tham gia tố tụng khi Tòa án yêu cầu để đối chất làm rõ mà tự bỏ quyền lợi bảo vệ cho mình. Vì vậy, căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn khẳng định việc bà Y khởi kiện bà L về trả số tiền gốc 135.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y, phù hợp với quy định tại Điều 463 BLDS.

Tài Điều 463 BLDS quy định:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.”

Về lãi suất: Bà Y yêu cầu bà L trả lãi 1,5%/ tháng/ số tiền gốc kể từ ngày vay là 01/7/2019. Tuy nhiên, quá trình làm việc bà L không thừa nhận lãi suất 1,5%/ tháng như bà Y trình bày. Bà L cho rằng vay lãi ngày là 3000 đồng/ 1triệu/ 01 ngày. Trong giấy vay hai bên không thể hiện thỏa thuận lãi suất, các bên trình bày lãi suất không giống nhau nên có sự tranh chấp về lãi suất. Quá trình vay bà Y trình bày bà L chưa trả lãi, bà L không có chứng cứ chứng minh đã trả lãi. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, căn cứ khoản 2 Điều 468 BLDS quy định:

“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 điều này tại thời điểm trả nợ”.

Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 1,5%/ tháng là không phù hợp với quy định của pháp luật, nên Tòa án căn cứ quy định trên để tính lãi suất cho phù hợp, cụ thể: 135.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 28 tháng + 12 ngày = 31.822.000 đồng (thời hạn tính lãi từ ngày 01/7/2019 đến ngày 12/11/2021).

Vậy tổng cộng cả gốc và lãi là 166.822.000 đồng (Trong đó gốc là 135.000.000 đồng, lãi là 31.822.000 đồng).

Từ phân tích trên, HĐXX nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Y là phù hợp nên chấp nhận: Buộc bà Trần Thị Giang L phải trả cho bà Nguyễn Thị Y số tiền gốc 135.000.000 đồng, tiền lãi là 31.822.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 166.822.000 đồng (*Một trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm hai mươi hai nghìn*).

Áp dụng Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 để tính lãi suất chậm thi hành án.

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song là phù hợp nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí theo quy định pháp luật là 166.822.000 đồng x 5% = 8.341.000 đồng (*Tám triệu ba trăm bốn mươi một nghìn đồng*).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Y số tiền 4.413.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí cho theo biên lai số 0005239 ngày 18/3/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 147, Điều 170, 171, 173, 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273, điểm a khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 357, 463, 465, 466, 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y.

Buộc bà Trần Thị Giang L phải trả cho bà Nguyễn Thị Y tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là 166.822.000 đồng (*Một trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm hai mươi hai nghìn đồng*), trong đó tiền gốc 135.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), tiền lãi là 31.822.000 đồng (thời hạn tính lãi từ ngày 01/7/2019 đến ngày 12/11/2021).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên

phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Giang L phải nộp 8.341.000 đồng (*Tám triệu ba trăm bốn mươi một nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Y số tiền 4.413.000 đồng (*Bốn triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí cho theo biên lai số 0005239 ngày 18/3/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà